

Bảng nhân 2

Tìm kết quả · 20 câu · gợi ý: 3 phút

Tên: _____ Ngày: ____/____/____

Thời gian làm: _____ phút Số câu đúng: _____ / 20

1 $2 \times 1 =$ _____

2 $2 \times 7 =$ _____

3 $2 \times 3 =$ _____

4 $2 \times 4 =$ _____

5 $2 \times 9 =$ _____

6 $2 \times 5 =$ _____

7 $2 \times 8 =$ _____

8 $2 \times 10 =$ _____

9 $2 \times 6 =$ _____

10 $2 \times 2 =$ _____

11 $2 \times 3 =$ _____

12 $2 \times 9 =$ _____

13 $2 \times 2 =$ _____

14 $2 \times 6 =$ _____

15 $2 \times 7 =$ _____

16 $2 \times 5 =$ _____

17 $2 \times 1 =$ _____

18 $2 \times 4 =$ _____

19 $2 \times 8 =$ _____

20 $2 \times 10 =$ _____

Bảng nhân 2

Tìm thừa số · 20 câu · gợi ý: 3 phút

Tên: _____ Ngày: ____/____/____

Thời gian làm: _____ phút Số câu đúng: _____ / 20

1 $2 \times \underline{\quad} = 18$

2 $2 \times \underline{\quad} = 14$

3 $2 \times \underline{\quad} = 10$

4 $2 \times \underline{\quad} = 8$

5 $2 \times \underline{\quad} = 4$

6 $2 \times \underline{\quad} = 6$

7 $2 \times \underline{\quad} = 12$

8 $2 \times \underline{\quad} = 20$

9 $2 \times \underline{\quad} = 2$

10 $2 \times \underline{\quad} = 16$

11 $2 \times \underline{\quad} = 10$

12 $2 \times \underline{\quad} = 8$

13 $2 \times \underline{\quad} = 16$

14 $2 \times \underline{\quad} = 18$

15 $2 \times \underline{\quad} = 2$

16 $2 \times \underline{\quad} = 6$

17 $2 \times \underline{\quad} = 20$

18 $2 \times \underline{\quad} = 4$

19 $2 \times \underline{\quad} = 14$

20 $2 \times \underline{\quad} = 12$

Bảng nhân 2

Bảng chia · 20 câu · gợi ý: 3 phút

Tên: _____ Ngày: ____/____/____

Thời gian làm: _____ phút Số câu đúng: ____ / 20

1 $16 : 2 = \underline{\hspace{2cm}}$

2 $8 : 2 = \underline{\hspace{2cm}}$

3 $4 : 2 = \underline{\hspace{2cm}}$

4 $18 : 2 = \underline{\hspace{2cm}}$

5 $20 : 2 = \underline{\hspace{2cm}}$

6 $12 : 2 = \underline{\hspace{2cm}}$

7 $14 : 2 = \underline{\hspace{2cm}}$

8 $2 : 2 = \underline{\hspace{2cm}}$

9 $10 : 2 = \underline{\hspace{2cm}}$

10 $6 : 2 = \underline{\hspace{2cm}}$

11 $12 : 2 = \underline{\hspace{2cm}}$

12 $6 : 2 = \underline{\hspace{2cm}}$

13 $20 : 2 = \underline{\hspace{2cm}}$

14 $10 : 2 = \underline{\hspace{2cm}}$

15 $8 : 2 = \underline{\hspace{2cm}}$

16 $2 : 2 = \underline{\hspace{2cm}}$

17 $18 : 2 = \underline{\hspace{2cm}}$

18 $16 : 2 = \underline{\hspace{2cm}}$

19 $14 : 2 = \underline{\hspace{2cm}}$

20 $4 : 2 = \underline{\hspace{2cm}}$

Bảng nhân 3

Tìm kết quả · 20 câu · gợi ý: 3 phút

Tên: _____ Ngày: ____/____/____

Thời gian làm: _____ phút Số câu đúng: _____ / 20

1 $3 \times 10 =$ _____

2 $3 \times 4 =$ _____

3 $3 \times 3 =$ _____

4 $3 \times 9 =$ _____

5 $3 \times 6 =$ _____

6 $3 \times 2 =$ _____

7 $3 \times 5 =$ _____

8 $3 \times 1 =$ _____

9 $3 \times 8 =$ _____

10 $3 \times 7 =$ _____

11 $3 \times 6 =$ _____

12 $3 \times 5 =$ _____

13 $3 \times 3 =$ _____

14 $3 \times 1 =$ _____

15 $3 \times 9 =$ _____

16 $3 \times 4 =$ _____

17 $3 \times 2 =$ _____

18 $3 \times 8 =$ _____

19 $3 \times 7 =$ _____

20 $3 \times 10 =$ _____

Bảng nhân 3

Tìm thừa số · 20 câu · gợi ý: 3 phút

Tên: _____ Ngày: ____/____/____

Thời gian làm: _____ phút Số câu đúng: _____ / 20

1 $3 \times \underline{\quad} = 3$

2 $3 \times \underline{\quad} = 21$

3 $3 \times \underline{\quad} = 6$

4 $3 \times \underline{\quad} = 18$

5 $3 \times \underline{\quad} = 9$

6 $3 \times \underline{\quad} = 12$

7 $3 \times \underline{\quad} = 30$

8 $3 \times \underline{\quad} = 15$

9 $3 \times \underline{\quad} = 27$

10 $3 \times \underline{\quad} = 24$

11 $3 \times \underline{\quad} = 18$

12 $3 \times \underline{\quad} = 24$

13 $3 \times \underline{\quad} = 9$

14 $3 \times \underline{\quad} = 30$

15 $3 \times \underline{\quad} = 6$

16 $3 \times \underline{\quad} = 21$

17 $3 \times \underline{\quad} = 3$

18 $3 \times \underline{\quad} = 27$

19 $3 \times \underline{\quad} = 15$

20 $3 \times \underline{\quad} = 12$

Bảng nhân 3

Bảng chia · 20 câu · gợi ý: 3 phút

Tên: _____ Ngày: ____/____/____

Thời gian làm: _____ phút Số câu đúng: ____ / 20

1 $9 : 3 = \underline{\hspace{2cm}}$

2 $3 : 3 = \underline{\hspace{2cm}}$

3 $6 : 3 = \underline{\hspace{2cm}}$

4 $24 : 3 = \underline{\hspace{2cm}}$

5 $21 : 3 = \underline{\hspace{2cm}}$

6 $27 : 3 = \underline{\hspace{2cm}}$

7 $30 : 3 = \underline{\hspace{2cm}}$

8 $15 : 3 = \underline{\hspace{2cm}}$

9 $12 : 3 = \underline{\hspace{2cm}}$

10 $18 : 3 = \underline{\hspace{2cm}}$

11 $30 : 3 = \underline{\hspace{2cm}}$

12 $27 : 3 = \underline{\hspace{2cm}}$

13 $6 : 3 = \underline{\hspace{2cm}}$

14 $9 : 3 = \underline{\hspace{2cm}}$

15 $12 : 3 = \underline{\hspace{2cm}}$

16 $3 : 3 = \underline{\hspace{2cm}}$

17 $21 : 3 = \underline{\hspace{2cm}}$

18 $24 : 3 = \underline{\hspace{2cm}}$

19 $18 : 3 = \underline{\hspace{2cm}}$

20 $15 : 3 = \underline{\hspace{2cm}}$



Bảng nhân 4

Tìm kết quả · 20 câu · gợi ý: 3 phút

Tên: _____ Ngày: ____/____/____

Thời gian làm: _____ phút Số câu đúng: _____ / 20

1 $4 \times 9 =$ _____

2 $4 \times 5 =$ _____

3 $4 \times 1 =$ _____

4 $4 \times 10 =$ _____

5 $4 \times 4 =$ _____

6 $4 \times 3 =$ _____

7 $4 \times 6 =$ _____

8 $4 \times 2 =$ _____

9 $4 \times 8 =$ _____

10 $4 \times 7 =$ _____

11 $4 \times 2 =$ _____

12 $4 \times 5 =$ _____

13 $4 \times 9 =$ _____

14 $4 \times 4 =$ _____

15 $4 \times 6 =$ _____

16 $4 \times 10 =$ _____

17 $4 \times 1 =$ _____

18 $4 \times 8 =$ _____

19 $4 \times 3 =$ _____

20 $4 \times 7 =$ _____

Bảng nhân 4

Tìm thừa số · 20 câu · gợi ý: 3 phút

Tên: _____ Ngày: ____/____/____

Thời gian làm: _____ phút Số câu đúng: _____ / 20

1 $4 \times \underline{\quad} = 24$

2 $4 \times \underline{\quad} = 8$

3 $4 \times \underline{\quad} = 32$

4 $4 \times \underline{\quad} = 12$

5 $4 \times \underline{\quad} = 28$

6 $4 \times \underline{\quad} = 20$

7 $4 \times \underline{\quad} = 4$

8 $4 \times \underline{\quad} = 36$

9 $4 \times \underline{\quad} = 16$

10 $4 \times \underline{\quad} = 40$

11 $4 \times \underline{\quad} = 8$

12 $4 \times \underline{\quad} = 36$

13 $4 \times \underline{\quad} = 40$

14 $4 \times \underline{\quad} = 16$

15 $4 \times \underline{\quad} = 28$

16 $4 \times \underline{\quad} = 20$

17 $4 \times \underline{\quad} = 32$

18 $4 \times \underline{\quad} = 24$

19 $4 \times \underline{\quad} = 4$

20 $4 \times \underline{\quad} = 12$

Bảng nhân 4

Bảng chia · 20 câu · gợi ý: 3 phút

Tên: _____ Ngày: ____/____/____

Thời gian làm: _____ phút Số câu đúng: _____ / 20

1 $40 : 4 = \underline{\hspace{2cm}}$

2 $24 : 4 = \underline{\hspace{2cm}}$

3 $4 : 4 = \underline{\hspace{2cm}}$

4 $12 : 4 = \underline{\hspace{2cm}}$

5 $28 : 4 = \underline{\hspace{2cm}}$

6 $8 : 4 = \underline{\hspace{2cm}}$

7 $20 : 4 = \underline{\hspace{2cm}}$

8 $32 : 4 = \underline{\hspace{2cm}}$

9 $16 : 4 = \underline{\hspace{2cm}}$

10 $36 : 4 = \underline{\hspace{2cm}}$

11 $28 : 4 = \underline{\hspace{2cm}}$

12 $4 : 4 = \underline{\hspace{2cm}}$

13 $36 : 4 = \underline{\hspace{2cm}}$

14 $8 : 4 = \underline{\hspace{2cm}}$

15 $24 : 4 = \underline{\hspace{2cm}}$

16 $16 : 4 = \underline{\hspace{2cm}}$

17 $32 : 4 = \underline{\hspace{2cm}}$

18 $20 : 4 = \underline{\hspace{2cm}}$

19 $40 : 4 = \underline{\hspace{2cm}}$

20 $12 : 4 = \underline{\hspace{2cm}}$

Bảng nhân 5

Tìm kết quả · 20 câu · gợi ý: 3 phút

Tên: _____ Ngày: ____/____/____

Thời gian làm: _____ phút Số câu đúng: _____ / 20

1 $5 \times 5 =$ _____

2 $5 \times 8 =$ _____

3 $5 \times 10 =$ _____

4 $5 \times 3 =$ _____

5 $5 \times 6 =$ _____

6 $5 \times 9 =$ _____

7 $5 \times 4 =$ _____

8 $5 \times 2 =$ _____

9 $5 \times 1 =$ _____

10 $5 \times 7 =$ _____

11 $5 \times 5 =$ _____

12 $5 \times 9 =$ _____

13 $5 \times 2 =$ _____

14 $5 \times 4 =$ _____

15 $5 \times 7 =$ _____

16 $5 \times 6 =$ _____

17 $5 \times 3 =$ _____

18 $5 \times 8 =$ _____

19 $5 \times 10 =$ _____

20 $5 \times 1 =$ _____

Bảng nhân 5

Tìm thừa số · 20 câu · gợi ý: 3 phút

Tên: _____ Ngày: ____/____/____

Thời gian làm: _____ phút Số câu đúng: _____ / 20

1 $5 \times \underline{\quad} = 5$

2 $5 \times \underline{\quad} = 45$

3 $5 \times \underline{\quad} = 20$

4 $5 \times \underline{\quad} = 35$

5 $5 \times \underline{\quad} = 30$

6 $5 \times \underline{\quad} = 25$

7 $5 \times \underline{\quad} = 10$

8 $5 \times \underline{\quad} = 15$

9 $5 \times \underline{\quad} = 50$

10 $5 \times \underline{\quad} = 40$

11 $5 \times \underline{\quad} = 30$

12 $5 \times \underline{\quad} = 35$

13 $5 \times \underline{\quad} = 15$

14 $5 \times \underline{\quad} = 50$

15 $5 \times \underline{\quad} = 5$

16 $5 \times \underline{\quad} = 45$

17 $5 \times \underline{\quad} = 25$

18 $5 \times \underline{\quad} = 10$

19 $5 \times \underline{\quad} = 20$

20 $5 \times \underline{\quad} = 40$

Bảng nhân 5

Bảng chia · 20 câu · gợi ý: 3 phút

Tên: _____ Ngày: ____/____/____

Thời gian làm: _____ phút Số câu đúng: _____ / 20

1 $25 : 5 = \underline{\hspace{2cm}}$

2 $40 : 5 = \underline{\hspace{2cm}}$

3 $15 : 5 = \underline{\hspace{2cm}}$

4 $35 : 5 = \underline{\hspace{2cm}}$

5 $10 : 5 = \underline{\hspace{2cm}}$

6 $30 : 5 = \underline{\hspace{2cm}}$

7 $20 : 5 = \underline{\hspace{2cm}}$

8 $50 : 5 = \underline{\hspace{2cm}}$

9 $45 : 5 = \underline{\hspace{2cm}}$

10 $5 : 5 = \underline{\hspace{2cm}}$

11 $40 : 5 = \underline{\hspace{2cm}}$

12 $5 : 5 = \underline{\hspace{2cm}}$

13 $50 : 5 = \underline{\hspace{2cm}}$

14 $30 : 5 = \underline{\hspace{2cm}}$

15 $10 : 5 = \underline{\hspace{2cm}}$

16 $25 : 5 = \underline{\hspace{2cm}}$

17 $35 : 5 = \underline{\hspace{2cm}}$

18 $20 : 5 = \underline{\hspace{2cm}}$

19 $45 : 5 = \underline{\hspace{2cm}}$

20 $15 : 5 = \underline{\hspace{2cm}}$

Bảng nhân 6

Tìm kết quả · 20 câu · gợi ý: 3 phút

Tên: _____ Ngày: ____/____/____

Thời gian làm: _____ phút Số câu đúng: ____ / 20

1 $6 \times 3 =$ _____

2 $6 \times 8 =$ _____

3 $6 \times 2 =$ _____

4 $6 \times 6 =$ _____

5 $6 \times 1 =$ _____

6 $6 \times 4 =$ _____

7 $6 \times 9 =$ _____

8 $6 \times 10 =$ _____

9 $6 \times 5 =$ _____

10 $6 \times 7 =$ _____

11 $6 \times 8 =$ _____

12 $6 \times 1 =$ _____

13 $6 \times 2 =$ _____

14 $6 \times 9 =$ _____

15 $6 \times 10 =$ _____

16 $6 \times 7 =$ _____

17 $6 \times 4 =$ _____

18 $6 \times 5 =$ _____

19 $6 \times 3 =$ _____

20 $6 \times 6 =$ _____

Bảng nhân 6

Tìm thừa số · 20 câu · gợi ý: 3 phút

Tên: _____ Ngày: ____/____/____

Thời gian làm: _____ phút Số câu đúng: _____ / 20

1 $6 \times \underline{\quad} = 12$

2 $6 \times \underline{\quad} = 42$

3 $6 \times \underline{\quad} = 60$

4 $6 \times \underline{\quad} = 18$

5 $6 \times \underline{\quad} = 30$

6 $6 \times \underline{\quad} = 6$

7 $6 \times \underline{\quad} = 24$

8 $6 \times \underline{\quad} = 48$

9 $6 \times \underline{\quad} = 54$

10 $6 \times \underline{\quad} = 36$

11 $6 \times \underline{\quad} = 48$

12 $6 \times \underline{\quad} = 54$

13 $6 \times \underline{\quad} = 30$

14 $6 \times \underline{\quad} = 42$

15 $6 \times \underline{\quad} = 18$

16 $6 \times \underline{\quad} = 36$

17 $6 \times \underline{\quad} = 60$

18 $6 \times \underline{\quad} = 12$

19 $6 \times \underline{\quad} = 6$

20 $6 \times \underline{\quad} = 24$



Bảng nhân 6

Bảng chia · 20 câu · gợi ý: 3 phút

Tên: _____ Ngày: ____/____/____

Thời gian làm: _____ phút Số câu đúng: ____ / 20

1 $42 : 6 = \underline{\hspace{2cm}}$

2 $24 : 6 = \underline{\hspace{2cm}}$

3 $60 : 6 = \underline{\hspace{2cm}}$

4 $12 : 6 = \underline{\hspace{2cm}}$

5 $54 : 6 = \underline{\hspace{2cm}}$

6 $30 : 6 = \underline{\hspace{2cm}}$

7 $48 : 6 = \underline{\hspace{2cm}}$

8 $18 : 6 = \underline{\hspace{2cm}}$

9 $36 : 6 = \underline{\hspace{2cm}}$

10 $6 : 6 = \underline{\hspace{2cm}}$

11 $36 : 6 = \underline{\hspace{2cm}}$

12 $60 : 6 = \underline{\hspace{2cm}}$

13 $6 : 6 = \underline{\hspace{2cm}}$

14 $12 : 6 = \underline{\hspace{2cm}}$

15 $42 : 6 = \underline{\hspace{2cm}}$

16 $18 : 6 = \underline{\hspace{2cm}}$

17 $48 : 6 = \underline{\hspace{2cm}}$

18 $30 : 6 = \underline{\hspace{2cm}}$

19 $24 : 6 = \underline{\hspace{2cm}}$

20 $54 : 6 = \underline{\hspace{2cm}}$

Bảng nhân 7

Tìm kết quả · 20 câu · gợi ý: 3 phút

Tên: _____ Ngày: ____/____/____

Thời gian làm: _____ phút Số câu đúng: _____ / 20

1 $7 \times 10 =$ _____

2 $7 \times 5 =$ _____

3 $7 \times 4 =$ _____

4 $7 \times 8 =$ _____

5 $7 \times 9 =$ _____

6 $7 \times 6 =$ _____

7 $7 \times 1 =$ _____

8 $7 \times 3 =$ _____

9 $7 \times 7 =$ _____

10 $7 \times 2 =$ _____

11 $7 \times 4 =$ _____

12 $7 \times 8 =$ _____

13 $7 \times 10 =$ _____

14 $7 \times 7 =$ _____

15 $7 \times 1 =$ _____

16 $7 \times 5 =$ _____

17 $7 \times 3 =$ _____

18 $7 \times 6 =$ _____

19 $7 \times 9 =$ _____

20 $7 \times 2 =$ _____

Bảng nhân 7

Tìm thừa số · 20 câu · gợi ý: 3 phút

Tên: _____ Ngày: ____/____/____

Thời gian làm: _____ phút Số câu đúng: _____ / 20

1 $7 \times \underline{\quad} = 56$

2 $7 \times \underline{\quad} = 63$

3 $7 \times \underline{\quad} = 49$

4 $7 \times \underline{\quad} = 42$

5 $7 \times \underline{\quad} = 21$

6 $7 \times \underline{\quad} = 28$

7 $7 \times \underline{\quad} = 7$

8 $7 \times \underline{\quad} = 14$

9 $7 \times \underline{\quad} = 70$

10 $7 \times \underline{\quad} = 35$

11 $7 \times \underline{\quad} = 7$

12 $7 \times \underline{\quad} = 28$

13 $7 \times \underline{\quad} = 56$

14 $7 \times \underline{\quad} = 49$

15 $7 \times \underline{\quad} = 63$

16 $7 \times \underline{\quad} = 42$

17 $7 \times \underline{\quad} = 70$

18 $7 \times \underline{\quad} = 21$

19 $7 \times \underline{\quad} = 35$

20 $7 \times \underline{\quad} = 14$



Bảng nhân 7

Bảng chia · 20 câu · gợi ý: 3 phút

Tên: _____ Ngày: ____/____/____

Thời gian làm: _____ phút Số câu đúng: _____ / 20

1 $49 : 7 = \underline{\hspace{2cm}}$

2 $14 : 7 = \underline{\hspace{2cm}}$

3 $56 : 7 = \underline{\hspace{2cm}}$

4 $7 : 7 = \underline{\hspace{2cm}}$

5 $70 : 7 = \underline{\hspace{2cm}}$

6 $21 : 7 = \underline{\hspace{2cm}}$

7 $28 : 7 = \underline{\hspace{2cm}}$

8 $35 : 7 = \underline{\hspace{2cm}}$

9 $63 : 7 = \underline{\hspace{2cm}}$

10 $42 : 7 = \underline{\hspace{2cm}}$

11 $63 : 7 = \underline{\hspace{2cm}}$

12 $28 : 7 = \underline{\hspace{2cm}}$

13 $14 : 7 = \underline{\hspace{2cm}}$

14 $49 : 7 = \underline{\hspace{2cm}}$

15 $70 : 7 = \underline{\hspace{2cm}}$

16 $56 : 7 = \underline{\hspace{2cm}}$

17 $21 : 7 = \underline{\hspace{2cm}}$

18 $42 : 7 = \underline{\hspace{2cm}}$

19 $35 : 7 = \underline{\hspace{2cm}}$

20 $7 : 7 = \underline{\hspace{2cm}}$

Bảng nhân 8

Tìm kết quả · 20 câu · gợi ý: 3 phút

Tên: _____ Ngày: ____/____/____

Thời gian làm: _____ phút Số câu đúng: _____ / 20

1 $8 \times 7 =$ _____

2 $8 \times 3 =$ _____

3 $8 \times 4 =$ _____

4 $8 \times 8 =$ _____

5 $8 \times 9 =$ _____

6 $8 \times 5 =$ _____

7 $8 \times 2 =$ _____

8 $8 \times 6 =$ _____

9 $8 \times 1 =$ _____

10 $8 \times 10 =$ _____

11 $8 \times 4 =$ _____

12 $8 \times 10 =$ _____

13 $8 \times 9 =$ _____

14 $8 \times 6 =$ _____

15 $8 \times 7 =$ _____

16 $8 \times 8 =$ _____

17 $8 \times 5 =$ _____

18 $8 \times 3 =$ _____

19 $8 \times 1 =$ _____

20 $8 \times 2 =$ _____

Bảng nhân 8

Tìm thừa số · 20 câu · gợi ý: 3 phút

Tên: _____ Ngày: ____/____/____

Thời gian làm: _____ phút Số câu đúng: _____ / 20

1 $8 \times \underline{\quad} = 72$

2 $8 \times \underline{\quad} = 8$

3 $8 \times \underline{\quad} = 40$

4 $8 \times \underline{\quad} = 16$

5 $8 \times \underline{\quad} = 64$

6 $8 \times \underline{\quad} = 56$

7 $8 \times \underline{\quad} = 32$

8 $8 \times \underline{\quad} = 48$

9 $8 \times \underline{\quad} = 24$

10 $8 \times \underline{\quad} = 80$

11 $8 \times \underline{\quad} = 72$

12 $8 \times \underline{\quad} = 64$

13 $8 \times \underline{\quad} = 16$

14 $8 \times \underline{\quad} = 32$

15 $8 \times \underline{\quad} = 40$

16 $8 \times \underline{\quad} = 56$

17 $8 \times \underline{\quad} = 48$

18 $8 \times \underline{\quad} = 8$

19 $8 \times \underline{\quad} = 80$

20 $8 \times \underline{\quad} = 24$

Bảng nhân 8

Bảng chia · 20 câu · gợi ý: 3 phút

Tên: _____ Ngày: ____/____/____

Thời gian làm: _____ phút Số câu đúng: ____ / 20

1 $64 : 8 = \underline{\hspace{2cm}}$

2 $56 : 8 = \underline{\hspace{2cm}}$

3 $16 : 8 = \underline{\hspace{2cm}}$

4 $48 : 8 = \underline{\hspace{2cm}}$

5 $80 : 8 = \underline{\hspace{2cm}}$

6 $40 : 8 = \underline{\hspace{2cm}}$

7 $24 : 8 = \underline{\hspace{2cm}}$

8 $72 : 8 = \underline{\hspace{2cm}}$

9 $8 : 8 = \underline{\hspace{2cm}}$

10 $32 : 8 = \underline{\hspace{2cm}}$

11 $48 : 8 = \underline{\hspace{2cm}}$

12 $32 : 8 = \underline{\hspace{2cm}}$

13 $72 : 8 = \underline{\hspace{2cm}}$

14 $64 : 8 = \underline{\hspace{2cm}}$

15 $56 : 8 = \underline{\hspace{2cm}}$

16 $8 : 8 = \underline{\hspace{2cm}}$

17 $40 : 8 = \underline{\hspace{2cm}}$

18 $80 : 8 = \underline{\hspace{2cm}}$

19 $16 : 8 = \underline{\hspace{2cm}}$

20 $24 : 8 = \underline{\hspace{2cm}}$

Bảng nhân 9

Tìm kết quả · 20 câu · gợi ý: 3 phút

Tên: _____ Ngày: ____/____/____

Thời gian làm: _____ phút Số câu đúng: _____ / 20

1 $9 \times 6 =$ _____

2 $9 \times 7 =$ _____

3 $9 \times 3 =$ _____

4 $9 \times 5 =$ _____

5 $9 \times 2 =$ _____

6 $9 \times 9 =$ _____

7 $9 \times 8 =$ _____

8 $9 \times 4 =$ _____

9 $9 \times 10 =$ _____

10 $9 \times 1 =$ _____

11 $9 \times 10 =$ _____

12 $9 \times 1 =$ _____

13 $9 \times 6 =$ _____

14 $9 \times 2 =$ _____

15 $9 \times 8 =$ _____

16 $9 \times 3 =$ _____

17 $9 \times 9 =$ _____

18 $9 \times 7 =$ _____

19 $9 \times 5 =$ _____

20 $9 \times 4 =$ _____

Bảng nhân 9

Tìm thừa số · 20 câu · gợi ý: 3 phút

Tên: _____ Ngày: ____/____/____

Thời gian làm: _____ phút Số câu đúng: _____ / 20

1 $9 \times \underline{\quad} = 36$

2 $9 \times \underline{\quad} = 27$

3 $9 \times \underline{\quad} = 45$

4 $9 \times \underline{\quad} = 90$

5 $9 \times \underline{\quad} = 18$

6 $9 \times \underline{\quad} = 9$

7 $9 \times \underline{\quad} = 72$

8 $9 \times \underline{\quad} = 63$

9 $9 \times \underline{\quad} = 81$

10 $9 \times \underline{\quad} = 54$

11 $9 \times \underline{\quad} = 18$

12 $9 \times \underline{\quad} = 36$

13 $9 \times \underline{\quad} = 72$

14 $9 \times \underline{\quad} = 90$

15 $9 \times \underline{\quad} = 9$

16 $9 \times \underline{\quad} = 63$

17 $9 \times \underline{\quad} = 54$

18 $9 \times \underline{\quad} = 27$

19 $9 \times \underline{\quad} = 45$

20 $9 \times \underline{\quad} = 81$



Bảng nhân 9

Bảng chia · 20 câu · gợi ý: 3 phút

Tên: _____ Ngày: ____/____/____

Thời gian làm: _____ phút Số câu đúng: _____ / 20

1 $54 : 9 = \underline{\hspace{2cm}}$

2 $72 : 9 = \underline{\hspace{2cm}}$

3 $27 : 9 = \underline{\hspace{2cm}}$

4 $18 : 9 = \underline{\hspace{2cm}}$

5 $81 : 9 = \underline{\hspace{2cm}}$

6 $63 : 9 = \underline{\hspace{2cm}}$

7 $36 : 9 = \underline{\hspace{2cm}}$

8 $9 : 9 = \underline{\hspace{2cm}}$

9 $45 : 9 = \underline{\hspace{2cm}}$

10 $90 : 9 = \underline{\hspace{2cm}}$

11 $81 : 9 = \underline{\hspace{2cm}}$

12 $90 : 9 = \underline{\hspace{2cm}}$

13 $54 : 9 = \underline{\hspace{2cm}}$

14 $36 : 9 = \underline{\hspace{2cm}}$

15 $45 : 9 = \underline{\hspace{2cm}}$

16 $18 : 9 = \underline{\hspace{2cm}}$

17 $63 : 9 = \underline{\hspace{2cm}}$

18 $27 : 9 = \underline{\hspace{2cm}}$

19 $72 : 9 = \underline{\hspace{2cm}}$

20 $9 : 9 = \underline{\hspace{2cm}}$

Tổng hợp bảng 2 → 9

Nhân, chia, tìm thừa số lẫn nhau · 20 câu · gợi ý: 4 phút

Tên: _____ Ngày: ____/____/____

Thời gian làm: _____ phút Số câu đúng: _____ / 20

1 $2 \times \underline{\quad} = 18$

2 $8 \times \underline{\quad} = 56$

3 $40 : 4 = \underline{\quad}$

4 $2 \times 4 = \underline{\quad}$

5 $7 \times 10 = \underline{\quad}$

6 $4 \times \underline{\quad} = 16$

7 $2 \times \underline{\quad} = 6$

8 $14 : 2 = \underline{\quad}$

9 $21 : 3 = \underline{\quad}$

10 $6 \times \underline{\quad} = 30$

11 $4 \times \underline{\quad} = 20$

12 $12 : 4 = \underline{\quad}$

13 $63 : 7 = \underline{\quad}$

14 $3 \times \underline{\quad} = 9$

15 $8 \times \underline{\quad} = 48$

16 $6 \times \underline{\quad} = 18$

17 $9 \times 3 = \underline{\quad}$

18 $5 \times 7 = \underline{\quad}$

19 $9 \times \underline{\quad} = 63$

20 $3 \times 9 = \underline{\quad}$

Tổng hợp bảng 2 → 9

Nhân, chia, tìm thừa số lẫn nhau · 20 câu · gợi ý: 4 phút

Tên: _____ Ngày: ____/____/____

Thời gian làm: _____ phút Số câu đúng: _____ / 20

1 $49 : 7 = \underline{\hspace{2cm}}$

2 $8 \times \underline{\hspace{2cm}} = 64$

3 $5 \times 4 = \underline{\hspace{2cm}}$

4 $9 \times \underline{\hspace{2cm}} = 36$

5 $48 : 8 = \underline{\hspace{2cm}}$

6 $21 : 7 = \underline{\hspace{2cm}}$

7 $42 : 7 = \underline{\hspace{2cm}}$

8 $9 \times \underline{\hspace{2cm}} = 54$

9 $4 \times \underline{\hspace{2cm}} = 40$

10 $6 \times \underline{\hspace{2cm}} = 30$

11 $7 \times \underline{\hspace{2cm}} = 28$

12 $3 \times 6 = \underline{\hspace{2cm}}$

13 $6 \times 9 = \underline{\hspace{2cm}}$

14 $2 \times 10 = \underline{\hspace{2cm}}$

15 $56 : 7 = \underline{\hspace{2cm}}$

16 $9 \times 10 = \underline{\hspace{2cm}}$

17 $40 : 5 = \underline{\hspace{2cm}}$

18 $2 \times \underline{\hspace{2cm}} = 16$

19 $4 \times \underline{\hspace{2cm}} = 8$

20 $6 \times 10 = \underline{\hspace{2cm}}$

Tổng hợp bảng 2 → 9

Nhân, chia, tìm thừa số lẫn nhau · 20 câu · gợi ý: 4 phút

Tên: _____ Ngày: ____/____/____

Thời gian làm: _____ phút Số câu đúng: _____ / 20

1 $5 \times \underline{\quad} = 45$

2 $6 \times 7 = \underline{\quad}$

3 $3 \times \underline{\quad} = 30$

4 $5 \times \underline{\quad} = 50$

5 $6 : 2 = \underline{\quad}$

6 $28 : 4 = \underline{\quad}$

7 $5 \times \underline{\quad} = 20$

8 $6 \times \underline{\quad} = 18$

9 $8 \times 10 = \underline{\quad}$

10 $12 : 4 = \underline{\quad}$

11 $2 \times 6 = \underline{\quad}$

12 $8 \times \underline{\quad} = 16$

13 $4 \times 10 = \underline{\quad}$

14 $49 : 7 = \underline{\quad}$

15 $54 : 9 = \underline{\quad}$

16 $63 : 9 = \underline{\quad}$

17 $12 : 6 = \underline{\quad}$

18 $36 : 9 = \underline{\quad}$

19 $18 : 2 = \underline{\quad}$

20 $42 : 7 = \underline{\quad}$

Tổng hợp bảng 2 → 9

Nhân, chia, tìm thừa số lẫn nhau · 20 câu · gợi ý: 4 phút

Tên: _____ Ngày: ____/____/____

Thời gian làm: _____ phút Số câu đúng: _____ / 20

1 $54 : 6 = \underline{\hspace{2cm}}$

2 $3 \times 10 = \underline{\hspace{2cm}}$

3 $7 \times \underline{\hspace{2cm}} = 63$

4 $7 \times 7 = \underline{\hspace{2cm}}$

5 $28 : 7 = \underline{\hspace{2cm}}$

6 $4 \times \underline{\hspace{2cm}} = 24$

7 $24 : 8 = \underline{\hspace{2cm}}$

8 $5 \times 2 = \underline{\hspace{2cm}}$

9 $9 \times \underline{\hspace{2cm}} = 45$

10 $40 : 5 = \underline{\hspace{2cm}}$

11 $40 : 4 = \underline{\hspace{2cm}}$

12 $5 \times \underline{\hspace{2cm}} = 30$

13 $9 \times 4 = \underline{\hspace{2cm}}$

14 $8 \times \underline{\hspace{2cm}} = 80$

15 $5 \times 4 = \underline{\hspace{2cm}}$

16 $16 : 4 = \underline{\hspace{2cm}}$

17 $8 : 4 = \underline{\hspace{2cm}}$

18 $2 \times 6 = \underline{\hspace{2cm}}$

19 $6 \times \underline{\hspace{2cm}} = 24$

20 $8 \times 9 = \underline{\hspace{2cm}}$

Tổng hợp bảng 2 → 9

Nhân, chia, tìm thừa số lẫn nhau · 20 câu · gợi ý: 4 phút

Tên: _____ Ngày: ____/____/____

Thời gian làm: _____ phút Số câu đúng: _____ / 20

1 $2 \times \underline{\quad} = 6$

2 $7 \times 6 = \underline{\quad}$

3 $7 \times \underline{\quad} = 14$

4 $40 : 4 = \underline{\quad}$

5 $5 \times \underline{\quad} = 15$

6 $8 \times \underline{\quad} = 64$

7 $5 \times \underline{\quad} = 20$

8 $5 \times \underline{\quad} = 25$

9 $9 \times 5 = \underline{\quad}$

10 $7 \times 4 = \underline{\quad}$

11 $9 \times 7 = \underline{\quad}$

12 $30 : 5 = \underline{\quad}$

13 $9 \times 10 = \underline{\quad}$

14 $9 \times \underline{\quad} = 27$

15 $3 \times \underline{\quad} = 9$

16 $3 \times \underline{\quad} = 12$

17 $40 : 5 = \underline{\quad}$

18 $20 : 2 = \underline{\quad}$

19 $24 : 4 = \underline{\quad}$

20 $6 \times 7 = \underline{\quad}$

Tổng hợp bảng 2 → 9

Nhân, chia, tìm thừa số lẫn nhau · 20 câu · gợi ý: 4 phút

Tên: _____ Ngày: ____/____/____

Thời gian làm: _____ phút Số câu đúng: _____ / 20

1 $7 \times 6 =$ _____

2 $27 : 3 =$ _____

3 $9 \times$ _____ $= 63$

4 $3 \times$ _____ $= 18$

5 $6 \times 2 =$ _____

6 $3 \times$ _____ $= 6$

7 $3 \times 10 =$ _____

8 $27 : 9 =$ _____

9 $8 \times 9 =$ _____

10 $9 \times$ _____ $= 90$

11 $2 \times 4 =$ _____

12 $7 \times 4 =$ _____

13 $6 : 2 =$ _____

14 $8 \times$ _____ $= 24$

15 $40 : 4 =$ _____

16 $3 \times$ _____ $= 21$

17 $4 \times$ _____ $= 24$

18 $45 : 9 =$ _____

19 $7 \times 9 =$ _____

20 $5 \times$ _____ $= 40$



ĐÁP ÁN · trang 1

Dành cho bố mẹ. Mỗi dòng là 20 đáp án theo thứ tự câu 1 → 20.

Phiếu 01

2 14 6 8 18 10 16 20 12 4
6 18 4 12 14 10 2 8 16 20

Phiếu 02

9 7 5 4 2 3 6 10 1 8
5 4 8 9 1 3 10 2 7 6

Phiếu 03

8 4 2 9 10 6 7 1 5 3
6 3 10 5 4 1 9 8 7 2

Phiếu 04

30 12 9 27 18 6 15 3 24 21
18 15 9 3 27 12 6 24 21 30

Phiếu 05

1 7 2 6 3 4 10 5 9 8
6 8 3 10 2 7 1 9 5 4

ĐÁP ÁN · trang 2

Dành cho bố mẹ. Mỗi dòng là 20 đáp án theo thứ tự câu 1 → 20.

Phiếu 06

3 1 2 8 7 9 10 5 4 6
10 9 2 3 4 1 7 8 6 5

Phiếu 07

36 20 4 40 16 12 24 8 32 28
8 20 36 16 24 40 4 32 12 28

Phiếu 08

6 2 8 3 7 5 1 9 4 10
2 9 10 4 7 5 8 6 1 3

Phiếu 09

10 6 1 3 7 2 5 8 4 9
7 1 9 2 6 4 8 5 10 3

Phiếu 10

25 40 50 15 30 45 20 10 5 35
25 45 10 20 35 30 15 40 50 5

ĐÁP ÁN · trang 3

Dành cho bố mẹ. Mỗi dòng là 20 đáp án theo thứ tự câu 1 → 20.

Phiếu 11

1 9 4 7 6 5 2 3 10 8
6 7 3 10 1 9 5 2 4 8

Phiếu 12

5 8 3 7 2 6 4 10 9 1
8 1 10 6 2 5 7 4 9 3

Phiếu 13

18 48 12 36 6 24 54 60 30 42
48 6 12 54 60 42 24 30 18 36

Phiếu 14

2 7 10 3 5 1 4 8 9 6
8 9 5 7 3 6 10 2 1 4

Phiếu 15

7 4 10 2 9 5 8 3 6 1
6 10 1 2 7 3 8 5 4 9

ĐÁP ÁN · trang 4

Dành cho bố mẹ. Mỗi dòng là 20 đáp án theo thứ tự câu 1 → 20.

Phiếu 16

70 35 28 56 63 42 7 21 49 14
28 56 70 49 7 35 21 42 63 14

Phiếu 17

8 9 7 6 3 4 1 2 10 5
1 4 8 7 9 6 10 3 5 2

Phiếu 18

7 2 8 1 10 3 4 5 9 6
9 4 2 7 10 8 3 6 5 1

Phiếu 19

56 24 32 64 72 40 16 48 8 80
32 80 72 48 56 64 40 24 8 16

Phiếu 20

9 1 5 2 8 7 4 6 3 10
9 8 2 4 5 7 6 1 10 3

ĐÁP ÁN · trang 5

Dành cho bố mẹ. Mỗi dòng là 20 đáp án theo thứ tự câu 1 → 20.

Phiếu 21

8 7 2 6 10 5 3 9 1 4
6 4 9 8 7 1 5 10 2 3

Phiếu 22

54 63 27 45 18 81 72 36 90 9
90 9 54 18 72 27 81 63 45 36

Phiếu 23

4 3 5 10 2 1 8 7 9 6
2 4 8 10 1 7 6 3 5 9

Phiếu 24

6 8 3 2 9 7 4 1 5 10
9 10 6 4 5 2 7 3 8 1

Phiếu 25

9 7 10 8 70 4 3 7 7 5
5 3 9 3 6 3 27 35 7 27

ĐÁP ÁN · trang 6

Dành cho bố mẹ. Mỗi dòng là 20 đáp án theo thứ tự câu 1 → 20.

Phiếu 26

7 8 20 4 6 3 6 6 10 5
4 18 54 20 8 90 8 8 2 60

Phiếu 27

9 42 10 10 3 7 4 3 80 3
12 2 40 7 6 7 2 4 9 6

Phiếu 28

9 30 9 49 4 6 3 10 5 8
10 6 36 10 20 4 2 12 4 72

Phiếu 29

3 42 2 10 3 8 4 5 45 28
63 6 90 3 3 4 8 10 6 42

Phiếu 30

42 9 7 6 12 2 30 3 72 10
8 28 3 3 10 7 6 5 63 8